



ISO 9001: 2015

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

KỈ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

**VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VÙNG TÂY NAM BỘ -
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

Trà Vinh, tháng 8 năm 2020



2105 1008 021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY VINH

KÍ YẾU

HỘI THẢO KHOA HỌC CẤP QUỐC GIA

VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VÙNG TÂY NAM BỘ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trở lại trang 8 năm 2020

MỤC LỤC

1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC “VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY NAM BỘ – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP” 1
PGS.TS. Phạm Tiết Khánh
2. VĂN HÓA HÀNG NGÀY VỚI VIỆC KIẾN TẠO VÀ TÁI KIẾN TẠO BẢN SẮC VĂN HÓA TÂY NAM BỘ 4
PGS.TS. Trần Thị An
3. VĂN HÓA TÂY NAM BỘ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 13
TS. Mai Mỹ Duyên
4. BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ VÙNG TÂY NAM BỘ TRƯỚC BỐI CẢNH HỘI NHẬP LÀ NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 21
TS. Phạm Văn Quốc
5. THÁCH THỨC, THUẬN LỢI VÀ XU THẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM TRƯỚC TÁC ĐỘNG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ 27
TS. Nguyễn Hữu Vương
6. MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DÂN TÂY NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY 34
ThS. Lê Minh Hiếu
7. XÂY DỰNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM CỦA VĂN HÓA 40
ThS. Đinh Thị Kim Loan
8. VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 48
ThS. Lê Thị Thanh Tâm, ThS. Võ Văn Thành
9. PHÁT HUY VAI TRÒ NGUỒN LỰC CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG VÙNG TÂY NAM BỘ 55
ThS. Huỳnh Văn Liêm, ThS. Hồ Thị Cẩm Linh
10. KHU VỰC TÂY SÔNG HẬU TRONG TIẾN TRÌNH GIAO LƯU TIẾP BIẾN VĂN HÓA THỜI KÌ VĂN HÓA ÓC EO 63
ThS. Trần Trọng Lễ
11. GIÁ TRỊ VĂN HÓA SÔNG NƯỚC TÂY NAM BỘ VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 75
ThS. Thiều Quang Thịnh

12. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ CỦA HÀN QUỐC VỀ PHÁT HUY VAI TRÒ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 86
TS. Trần Thị Phương Nguyên
13. KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VỀ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM 92
TS. Nguyễn Tuấn Dũng, ThS. Hoàng Thị Hạnh
14. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA – THỂ THAO CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH KIÊN GIANG – NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 97
ThS. Danh Út – Soạn giả Đào Chuông
15. CẦN GIỮ GIỮ HỆ THỐNG PHƯƠNG NGỮ TÂY NAM BỘ CHO THẾ HỆ MAI SAU 103
Nhà nghiên cứu Trần Dũng
16. VĂN HÓA NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI QUA ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ 107
ThS. Nguyễn Thúy Diễm
17. GIÁ TRỊ VĂN HÓA LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TỘC NGƯỜI VIỆT QUA ĐỊA DANH Ở TỈNH SÓC TRĂNG 117
ThS. Nguyễn Minh Ca
18. KINH LÁ BUÔNG – GIÁ TRỊ VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN 127
HVCH. Thạch Dương Trung
19. BẢO TỒN GIÁ TRỊ KINH LÁ BUÔNG (SATRA) CỦA NGƯỜI KHMER TẠI TRÀ VINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 135
HVCH. Kim Chane Tha
20. NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở TỈNH BẾN TRE – TIỀM NĂNG VÀ PHÁT TRIỂN 140
TS. Dương Hoàng Lộc, ThS. Lê Thị Kim Ngọc, ThS. Bùi Hữu Nghĩa
21. NÂNG CAO HIỆU QUẢ TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA VĂN HÓA TÂY NAM BỘ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ GIÁO DỤC 148
ThS. Dương Tấn Giàu
22. LUẬN GIẢI VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TƯ TƯỞNG CỦA CÁC TÔN GIÁO NỘI SINH VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI VIỆT VÙNG TÂY NAM BỘ 154
TS. Nguyễn Trung Hiếu
23. PHÁT HUY NGUỒN LỰC TÔN GIÁO TRONG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, DU LỊCH Ở THÀNH PHỐ CẦN THƠ 163
ThS. Phạm Văn Tuấn

**THÁCH THỨC, THUẬN LỢI
VÀ XU THẾ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM TRƯỚC TÁC ĐỘNG
CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ**

TS. Nguyễn Hữu Vương¹

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước tác động của cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, vấn đề đặt ra trong xây dựng văn hóa Việt Nam phải biết tận dụng cơ hội, vượt qua nguy cơ, thách thức ngay từ lựa chọn cách thức, con đường phát triển đến thực tiễn nền văn hóa Việt Nam. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phải có tính chủ động cao, định hướng sớm và khoa học thì mới có những bước đi vững chắc trong thực tiễn. Quán triệt và vận dụng quan điểm Đại hội XII của Đảng về: “Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của Nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa. Đảng ta xác định: xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện nay, đặc biệt, trước tác động của CMCN 4.0 là hướng đến mục đích, nội dung nhất quán: bảo đảm được tinh dân tộc, giữ gìn “bản sắc dân tộc” một cách vững chắc, đồng thời tiếp thu “tinh hoa văn hóa nhân loại” phù hợp Việt Nam và thời đại [1].

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm văn hóa

Hiện nay, nhiều định nghĩa về văn hóa nhưng phổ biến và được nhiều người công nhận là văn hóa bao gồm tất cả những giá trị tinh thần và vật chất mà con người tạo ra trong quá trình lao động, sinh sống thực tiễn suốt chiều dài lịch sử. Qua văn hóa, người ta có thể đánh giá trình độ phát triển của các dân tộc cụ thể, của các chế độ xã hội qua các thời kì lịch sử cụ thể [2].

Nói chung, hiểu một cách đơn giản như theo Hồ Chí Minh nói về văn hóa, đại ý như sau: vì con người cần phải sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống nên phát minh và sáng tạo ra chữ viết, ngôn ngữ, pháp luật, đạo đức, tôn giáo, khoa học cũng như văn học nghệ thuật, sáng tạo ra các công cụ sinh hoạt hàng ngày về ăn ở, mặc cùng các phương thức sử dụng. Tất cả những điều mà con người phát minh và sáng tạo ra chính là văn hóa [2].

Như vậy, văn hóa do con người sáng tạo ra để phục vụ lợi ích của mình. Văn hóa là của con người và được cộng đồng giữ gìn qua các thế hệ, được dùng để phục vụ đời sống con người có tính lưu truyền và kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Văn hóa sẽ bao gồm văn hóa vật chất (văn hóa vật thể) và văn hóa tinh thần (văn hóa phi vật thể). Dù cũng đều là do con người sáng tạo ra nhưng đây là các loại văn hóa khác nhau. Trong đó:

¹ Trường Đại học Văn Hiến

– *Văn hóa vật chất*: Dùng để chỉ năng lực sáng tạo của con người thể hiện qua các vật thể, đồ dùng, dụng cụ do con người làm ra. Từ các vật thể này, chúng ta có thể đánh giá, nhận xét khả năng của con người đã làm ra.

– *Văn hóa tinh thần*: Bao gồm các tư tưởng, giá trị tinh thần, những lí luận mà con người sáng tạo ra trong quá trình sinh sống. Văn hóa tinh thần được tạo ra nhằm phục vụ cho các hoạt động tinh thần với những nguyên tắc, tiêu chí có tác động chi phối các hoạt động của con người, các hoạt động tinh thần như ứng xử, kĩ năng, tri thức, giá trị khoa học nghệ thuật. Văn hóa tinh thần cũng là thị hiếu, nhu cầu về tinh thần và cách thỏa mãn nhu cầu đó.

– *Tiểu văn hóa*: Dùng để chỉ văn hóa của một cộng đồng nhỏ hơn sở hữu những sắc thái riêng của mình, khác nhưng không đối lập với nền văn hóa chung của xã hội. Nó là một bộ phận của nền văn hóa chung có những nét khác biệt của mình. Như tiểu văn hóa của dân tộc H'Mông, tiểu văn hóa của khu vực nông thôn, tiểu văn hóa thanh niên, tiểu văn hóa của những người cao tuổi. Nhóm người này có những ứng xử riêng mang đặc trưng của cộng đồng còn được gọi là văn hóa phụ. Mặc dù không đối lập với nền văn hóa chung nhưng các tiểu văn hóa trong xã hội thường có những sự đối lập, thường xảy ra bất đồng.

– *Văn hóa nhóm*: Là tập hợp các quan niệm, giá trị và tập tục trong một nhóm người. Văn hóa nhóm sẽ hình thành với sự ra đời của nhóm nhằm duy trì, thiết lập sự hoạt động của nhóm. Các nhóm nhỏ đều có văn hóa riêng của mình nhưng vẫn nằm trong văn hóa chung của xã hội. Văn hóa nhóm của các tập đoàn, các tổ chức xã hội, nhỏ hơn tiểu văn hóa.

– *Phản văn hóa*: Khác với tiểu văn hóa hay văn hóa nhóm tồn tại không đối lập với nền văn hóa chung, phản văn hóa công khai bác bỏ những giá trị và chuẩn mực trong xã hội. Như vậy, phản văn hóa của một nhóm người trong xã hội gồm các giá trị, chuẩn mực đi ngược lại với các chuẩn mực, giá trị chung của xã hội. Điều này thường thấy xuất hiện trong xã hội.

– *Văn minh*: Khái niệm văn minh có liên quan mật thiết với khái niệm văn hóa nhưng không thể đồng nhất hai khái niệm này với nhau như một số người vẫn thường dùng. Bởi, văn hóa rộng hơn, giàu tính nhân bản, hướng tới những giá trị vĩnh cửu còn văn minh chỉ hướng tới sự sắp đặt cuộc sống sao cho tiện lợi, sao cho hợp lí. Nghĩ tới văn minh, chúng ta thường nghĩ tới cuộc sống vật chất, tiện nghi.

2.2. Khái quát thực trạng văn hóa Việt Nam

So với vài thập niên trước đây, văn hóa Việt Nam hiện nay, ở tất cả các dạng hoạt động và với tất cả các loại hình của nó, đều có những thay đổi theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực.

Ở nhiều loại hình thuộc hoạt động văn hóa, hệ giá trị văn hóa Việt Nam đã không còn lạc lõng, không còn thua kém bao nhiêu so với các nền văn hóa có kinh nghiệm. Kể từ khi tham gia thập kỉ quốc tế về văn hóa trong phát triển (1986-1997), đặc biệt kể từ khi thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa VIII (1998) về văn hóa, Việt Nam đã có những bước phát triển đạt tới chất lượng và diện mạo khác nhiều so với trước đó. Sau gần 35 năm Đổi mới (1986), văn hóa truyền thống được tôn trọng và phục hồi rất căn bản, nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, di sản thiên nhiên và di sản kí ức thế giới được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Các hoạt động văn hóa được hiện đại hóa (ngành văn hóa được trang bị các máy móc và vật dụng hiện đại); giao lưu và tiếp biến văn hóa đặc biệt mở rộng; văn hóa công quyền, văn hóa ứng xử, văn hóa hội nhập gần gũi hơn với khu vực và thế giới. Đời sống văn hóa của nhiều tầng lớp dân cư được nâng cao cả về trình độ và chất lượng. Nghĩa là, chúng ta có đủ cơ sở để nói rằng, hệ giá trị văn hóa Việt Nam sau mấy chục năm phát triển theo xu thế đổi mới đã xác lập được các khuôn mẫu văn hóa mới, thực sự hội nhập tương đối sâu vào văn hóa nhân loại theo các chuẩn mực phổ biến của cộng đồng thế giới.

Ồ khá nhiều loại hình thuộc hoạt động văn hóa, hệ giá trị văn hóa Việt Nam đã không còn lạc lõng, khoảng cách lạc hậu đã được thu hẹp. Thậm chí, ở nhiều hoạt động văn hóa, như văn hóa biểu diễn – tổ chức các sự kiện, văn hóa showbiz, văn hóa thời trang, văn hóa du lịch, Việt Nam đã không còn thua kém bao nhiêu so với các nền văn hóa có kinh nghiệm.

Với những lĩnh vực thuộc đời sống văn hóa (như văn hóa tiêu dùng, văn hóa kinh doanh, văn hóa xuất bản, văn hóa khách sạn), Việt Nam mặc dù vẫn chịu khá nhiều phê phán hay phàn nàn, nhưng mặt bằng chung đã có những tiến bộ khá xa so với trước; thậm chí, ở một số hoạt động cụ thể còn tỏ ra nhanh nhạy không thua kém các nước có nền kinh tế phát triển.

Về văn hóa ẩm thực, văn hóa khách sạn, văn hóa sử dụng IT ngày nay, Việt Nam đã tạo được ấn tượng tích cực trên trường quốc tế.

Về văn hóa chính trường, văn hóa công quyền, văn hóa đối ngoại (ngoại giao), văn hóa công an, văn hóa quân sự, văn hóa học đường, hệ giá trị văn hóa Việt Nam cũng đã có không ít điểm sáng, với những chuẩn mực gần với thế giới.

Không chỉ ở những hiện tượng bề ngoài thuộc hoạt động văn hóa, mà cả ở tầng sâu hơn, trong các nội dung thuộc phẩm chất nhân văn của phát triển, với các chiều cạnh thuộc về con người, về cộng đồng và về dân tộc, văn hóa Việt Nam cũng có những bước phát triển mà trước kia khó có thể đạt được.

Nhìn nhận những điểm mạnh của văn hóa Việt Nam gần 35 năm qua, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh giá: ‘Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [1].

2.3. Thách thức, thuận lợi và xu thế phát triển văn hóa Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

2.3.1. Thách thức

Thời gian qua, thực tiễn trên mạng xã hội cho thấy: các nước lớn sử dụng thành tựu CMCN 4.0 như một công cụ hữu hiệu quảng bá văn hóa của mình phục vụ cho mục đích chính trị. Việc bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của một quốc gia phải đối mặt với những xu hướng ấy một cách toàn diện, trực tiếp và gay gắt nhất từ trước đến nay. Từ công nghệ thông tin, kết nối, mở rộng tầm giao lưu, giao tiếp giữa con người với con người qua mạng internet có xu hướng xóa nhòa ranh giới giữa dân tộc về văn hóa. Văn hóa có tính bản địa, tính dân tộc rất sâu sắc thì hiện nay có nguy cơ bị phai nhạt dần.

CMCN 4.0 luôn tạo ra những cái mới, sản phẩm mới, hấp dẫn, lôi cuốn và rất dễ dẫn đến tình trạng “sùng ngoại”, không chỉ ở phương diện văn minh, mà còn ở lĩnh vực văn hóa, lối sống, cách giao tiếp, ứng xử.

CMCN 4.0 rất dễ làm cho con người bị “thôi miên”, không phân biệt được cái đúng và cái sai; cái tốt và cái xấu; cái thực và cái hư; cái dân tộc và cái phi dân tộc trước thế giới mới, xa lạ – thế giới “ảo”. Kết nối mạng, mở rộng giao lưu và giao tiếp ở tất cả các lĩnh vực, phương diện làm cho con người như lạc vào cõi “mê cung”, khó làm chủ. Đặc biệt, sự xuất hiện những hiện tượng mới lạ, như đồng tiền “ảo”, thanh toán “ảo”, kinh doanh “ảo”, lối sống “ảo” càng kích thích thế hệ trẻ khó có thể thoát ra sự u mê, vô định. Một cá nhân thu mình trong phòng kín, nhưng mở rộng được giao lưu, trao đổi qua mạng làm cho quan hệ, ứng xử có tính “thực” trong môi trường văn hóa cộng đồng, xã hội mờ nhạt dần. CMCN 4.0 có xu hướng pha loãng quan hệ, sự ứng xử văn hóa, đạo đức trong cộng đồng, xã hội và xa cách dần với thuần phong mỹ tục của truyền thống dân tộc. Những chuẩn mực giá trị văn hóa, đạo đức

được tôn thờ qua nhiều thế hệ cũng có những nguy cơ bị mai một. Con người trong cộng đồng, xã hội dần mất đi nét đẹp trong giao tiếp của “tình làng, nghĩa xóm” có tính “thực” và thay vào đó là quan hệ công việc đơn thuần.

Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: ‘Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người’; ‘Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận Nhân dân, nhất là lớp trẻ’ [3, tr.127]. Nếu không nhận thức được và không có định hướng, điều chỉnh sớm, khoa học thì mục tiêu về tính dân tộc, bản sắc dân tộc khó có thể thực hiện được.

2.3.2. Thuận lợi và xu thế phát triển

Tác động của CMCN 4.0 không chỉ tạo ra thách thức, mà còn có cả cơ hội, thời cơ lớn. Cuộc CMCN 4.0 và nền kinh tế số tạo ra những thuận lợi cho sự phát triển văn hóa Việt Nam, giúp chúng ta khai thác tiềm năng kinh tế của văn hóa trên môi trường số. Công nghệ số, internet phát triển kéo theo khả năng tiếp cận các nội dung văn hóa trở nên dễ dàng và không bị giới hạn bởi các đường biên giới quốc gia, điều này cũng đòi hỏi sự khác biệt, độc đáo trong nội dung, ý tưởng của các sản phẩm văn hóa như là một ưu thế cạnh tranh quan trọng. Các nước phát triển trên thế giới đang chuyển nhanh sang nền kinh tế tri thức, kinh tế sáng tạo, công nghệ số hóa và sự số hóa các nội dung văn hóa.

Quán triệt và vận dụng quan điểm Đại hội XII của Đảng: ‘Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của Nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người’ [3, tr.124] và củng cố, phát triển tính chủ động cho mỗi con người, mỗi tổ chức, đơn vị, từ Trung ương đến từng địa phương một cách tích cực, sát thực.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện nay, đặc biệt, trước tác động của CMCN 4.0 là hướng đến mục đích, nội dung nhất quán: giữ gìn “bản sắc văn hóa dân tộc” và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Việt Nam là một điển hình trong lịch sử nhân loại về bảo vệ, giữ gìn bản sắc, tính chất dân tộc của nền văn hóa. Ngay từ buổi đầu của lịch sử, người dân Việt Nam đã phải đấu tranh với những âm mưu, hành động đồng hóa về văn hóa của các nước lớn để giữ vững độc lập chủ quyền đất nước; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Lịch sử ấy đã hun đúc nên một sắc thái văn hóa rất độc đáo, như tinh thần yêu nước; đại đoàn kết toàn dân tộc, nhân đạo, nhân văn, yêu hòa bình ở mỗi con người qua các thế hệ khác nhau. Những nội dung ấy là giá trị gốc, có ý nghĩa như một “hằng số, mẫu số chung” cho mọi thời kỳ phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam. Tính dân tộc của nền văn hóa đã thấm thấu sâu vào cốt cách, tâm hồn, phương thức ứng xử của mỗi con người Việt Nam qua các thời đại và tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, âm mưu đồng hóa về văn hóa của các thế lực thù địch. Trên thế giới hiếm có dân tộc nào như Việt Nam bị thống trị cả nghìn năm Bắc thuộc mà vẫn vùng dậy giành độc lập, tự chủ. Giải thích hiện tượng đặc thù này chỉ có thể bằng nội dung, sức mạnh của văn hóa; bản sắc, tính dân tộc của nền văn hóa Việt Nam. Lịch sử dân tộc không cho phép con người hiện nay bó tay, bất lực trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam. Mỗi con người Việt Nam phải xác định rõ trách nhiệm đối với truyền thống dân tộc để tiếp nối lịch sử; luôn vững tin, sáng tạo vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội và tiến lên ngang tầm thời đại. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định: ‘mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn [3, tr.125].

Xây dựng nền văn hóa dân tộc Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 và “hội nhập” phải thường xuyên củng cố, kiên định với mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp Việt Nam và thời đại, đậm đà bản sắc dân tộc; thấm nhuần tinh thần dân tộc như trong các nghị quyết đại hội của Đảng xác định. Thấm nhuần tinh thần dân tộc phải được tiếp nhận, chuyên hóa thành thái độ, động cơ, niềm tin, ý chí và hành vi ứng xử của mỗi con người Việt Nam một cách bền vững nhất. Quá trình tận dụng cơ hội, tiếp nhận thành tựu văn minh, tinh hoa của CMCN 4.0 để làm giàu tri thức và tiến lên phía trước là tất yếu, cần thiết, nhưng luôn phải giữ vững cốt cách, tâm hồn, phẩm giá, khí phách con người Việt Nam trong xây dựng nền văn hóa dân tộc. Mỗi con người Việt Nam phải tự nghiêm khắc khắc phục những biểu hiện lệch chuẩn ngay trong bản thân mình, đồng thời, họ phải tích cực đấu tranh phê phán với những biểu hiện lệch lạc trong cộng đồng, xã hội. Quán triệt quan điểm Đại hội XII của Đảng về: ‘Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam’ [3, tr.127] vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay một cách thiết thực nhất. Dựa vào định hướng của Đảng về: ‘Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế’ [3, tr.126-127] để cụ thể hóa vào từng tổ chức, đơn vị, cơ quan, địa phương với những chuẩn giá trị mang đặc trưng riêng. Thống nhất về chuẩn mực giá trị làm tiêu chí đánh giá để tạo dư luận xã hội có tính đồng thuận trong tôn vinh những tấm gương sáng và phê phán những biểu hiện lệch lạc trước tác động của CMCN 4.0.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 bắt đầu từ mỗi con người đến toàn xã hội để không cho bất cứ ai, nhất là thế hệ trẻ, rơi vào thế giới “ảo”, lối sống “ảo”.

2.3.3. Một số giải pháp đề xuất

Một là, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 phải hướng đến khắc phục những xu hướng đang làm mờ nhạt tính hiện thực của bản chất con người trong tính tổng hòa các quan hệ xã hội. Tiếp nhận, khai thác thông tin từ thành tựu của CMCN 4.0 có tác dụng to lớn cho phát triển trí tuệ, nhưng phải được cảnh báo để không làm mất đi nền tảng gốc của bản chất người, bản sắc văn hóa dân tộc. Kết hợp giữa định hướng nhận thức với tổ chức các hoạt động mang ý nghĩa, giá trị văn hóa, đạo đức; phù hợp với thuần phong, mỹ tục một cách sát hợp để giáo dục con người giữ vững phẩm giá, tư chất, bản chất dân tộc Việt Nam. Quán triệt quan điểm của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XII về: ‘xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống’ [3, tr.127-128] vào khắc phục những xu hướng có tính ‘ảo, phi hiện thực’ của quan hệ giữa người và người là một phương diện quan trọng của xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0.

Hai là, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 phải được tổ chức thực hiện với tính chất của một phong trào quần chúng sâu rộng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước. Mỗi con người, mỗi tổ chức, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp phải là một chủ thể tích cực thấm nhuần tinh thần dân tộc trong xây dựng nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Sức mạnh trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam phải có tính tổng hợp với sự tương tác có tính đồng thuận, cùng chung một hướng và trở thành phong trào quần chúng sâu rộng trên thực tiễn toàn xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước là điều kiện, nhân tố quyết định nhất đến tạo dựng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong xây dựng nền

văn hóa Việt Nam. Tiếp tục phát triển, phát huy phong trào: ‘Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa’ lên tầm cao mới. Những thành tựu đã đạt được tiếp tục nhân lên và những hạn chế, bất cập cần nghiên cứu và đúc kết thành kinh nghiệm bổ ích để đưa vào thực tiễn phong trào quần chúng sâu, rộng. Quan điểm của Đảng về văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội vừa là định hướng, vừa là nội dung cho xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước CMCN 4.0. Toàn bộ các sáng tạo của con người Việt Nam trên các lĩnh vực đều phải dựa trên cơ sở và hướng đến làm giàu giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam thì văn hóa mới thật sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội. Kể cả những người Việt Nam sinh sống, học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, việc tham gia ngày càng sâu vào các bước phát triển của CMCN 4.0, nhưng vẫn phải hướng về cội nguồn để luôn mang tâm hồn, cốt cách, khí phách của con người Việt Nam. Mục đích cũng như động lực cho các sáng tạo phải xuất phát từ nền tảng và hướng đến mục đích phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam.

Ba là, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 phải gắn với cuộc đấu tranh tư tưởng, lí luận hiện nay. Chúng ta phải đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, phản động hiện nay, không chỉ đơn thuần thuộc lĩnh vực chính trị, mà còn của lĩnh vực văn hóa. Lịch sử dân tộc, đặc biệt từ khi có sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng nền văn hóa Việt Nam luôn gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Hiện nay, các thế lực thù địch lợi dụng thành tựu CMCN 4.0 cả về nội dung và sức mạnh truyền thông để lôi kéo con người Việt Nam nói chung, thế hệ trẻ nói riêng quay lưng lại quá khứ, truyền thống; tạo ra sự mơ hồ trong hiện tại và thái độ thờ ơ với tương lai dân tộc, đất nước với các hình thức khác nhau. Âm mưu chống phá được giấu kín qua những lời lẽ, ngôn ngữ ‘mĩ miều’, như tự do, dân chủ, nhân quyền rất khó nhận thấy. Việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam phải lôi cuốn, tập hợp toàn bộ con người Việt Nam cả trong nước và ngoài nước cùng tham gia hoạt động chung một mục đích phát triển đất nước, giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc. Có chương trình giáo dục cơ bản nâng tầm cao trí tuệ, tư duy cho mỗi thế hệ để thực hiện chiến lược lâu dài tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao làm chủ CMCN 4.0 và đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái trong chính trị, văn hóa.

Bốn là, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 còn bắt đầu từ phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự xã hội. Văn hóa dân tộc bao giờ cũng là cái phản ánh, nảy sinh trên cơ sở kinh tế, nền tảng chính trị, đặc biệt trước tác động trực tiếp của CMCN 4.0 đến cơ cấu kinh tế nói chung và các công nghệ trong các dây chuyền sản xuất nói riêng. Tác động ấy luôn tiềm ẩn xu thế “tụt hậu” về kinh tế. Những công nghệ sản xuất có tính chất quy trình lặp đi lặp lại sẽ nhanh chóng được thay thế bởi tự động hóa.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 ở nước ta hiện nay cần chủ động sớm và từ gốc là giải quyết việc làm cho người lao động. Giải quyết việc làm không đơn thuần là vấn đề kinh tế, mà còn là văn hóa, như K.Marx đã chỉ rõ: văn hóa là xã hội hóa lao động. Văn hóa là những người trong độ tuổi lao động phải được lao động.

Năm là, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 trong quan hệ với thực hiện chiến lược phát triển con người của Đảng và gắn với chất lượng giáo dục và đào tạo. Con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của môi trường xã hội. Trước tác động của CMCN 4.0, vấn đề chất lượng con người là rất quan trọng. Con người trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 và hội nhập phải toàn diện cả về phẩm chất, đạo đức, lối sống, tinh thần dân tộc và năng lực làm chủ khoa học và công nghệ hiện đại. Con người ấy chỉ có được thông qua giáo dục và đào tạo tương thích với trình độ quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với tốc độ phát triển nhanh chóng và sự tác động mạnh mẽ, trái chiều nhau giữa tích cực và tiêu cực từ CMCN 4.0. Vấn đề đặt ra là phải biết tận dụng cơ hội, vượt qua nguy cơ, thách thức ngay từ lựa chọn cách thức, con đường phát triển đến thực tiễn nền văn hóa Việt Nam. Việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0 phải có tính chủ động cao, định hướng sớm và khoa học thì mới có những bước đi vững chắc trong thực tiễn.

Vận dụng quan điểm của Đảng về giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu vào thực tiễn nâng cao chất lượng con người Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Tư tưởng chỉ đạo về: ‘Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài’ [9, tr.114] phải được cụ thể hóa vào từng khâu, từng bước phù hợp, Chúng ta cần xác định rõ tỉ lệ phần trăm các môn khoa học xã hội và nhân văn nói chung, môn lịch sử nói riêng trong tổng thể chương trình, nội dung xứng đáng với vị trí, tầm quan trọng trong các cấp giáo dục, đặc biệt là bậc phổ thông. Chất lượng, hiệu quả của giáo dục và đào tạo sẽ tạo dựng các thế hệ con người có chất lượng cao theo tiêu chí, yêu cầu của phát triển nói chung và xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của CMCN 4.0.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 2016.
- [2] <https://vieclam123.vn/van-hoa-la-gi-b631.html#H3abc10> [Truy cập ngày 7/8/2020]
- [3] Văn phòng Trung ương Đảng. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội; 2016, tr. 124.